

Số: 90/QĐ-LQĐ

Bình Sơn, ngày 14 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4481/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023 của Giám đốc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ thuyết minh dự toán thu, chi NSNN năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán 9 tháng đầu năm 2024

Xét đề nghị của kế toán trường THPT Lê Quý Đôn về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực;
- Hình thức công khai: đăng tải trên Website đơn vị, niêm yết bản tin phòng hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn.
- Địa điểm công khai: Trường THPT Lê Quý Đôn;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 4. Tổ trưởng tổ hành chính, kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT (b/cáo)
- HT, P.HT
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Websibe trường
- Lưu :VT, KT



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Chấn Thi



TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 tháng đầu năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sửa dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-LQĐ ngày 14/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	772.000.000	404.462.500	52,4	
1	Học phí	772.000.000	404.462.500	52,4	
2	Lệ phí				
3	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	772.000.000	621.290.863	80,5	
1	Chi sự nghiệp	772.000.000	621.290.863	80,5	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	772.000.000	621.290.863	80,5	
6000	Tiền lương, phụ cấp lương (CCTL)	308.800.000	284.839.282	92,2	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	205.800.000	130.458.600	63,4	
6250	Phúc lợi tập thể		2.400.000		
6300	Các khoản đóng góp	48.363.000	85.021.581	175,8	
6500	Dịch vụ công cộng	-			
6550	Vật tư văn phòng	20.000.000	40.592.000	203,0	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	1.100.000			
6700	Công tác phí	12.000.000	6.000.000	50,0	
6750	Chi phí thuê mướn	101.000.000	23.500.000	23,3	
6900	Sửa chữa thường xuyên	60.000.000	22.231.500	37,1	
7000	Nghiệp vụ chuyên môn	10.000.000	7.046.900	70,5	
7750	Chi khác	4.937.000	18.391.000	372,5	

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7850	Chi công tác Đảng	-	810.000	-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.595.000.000	12.053.791.633	72,6	
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.595.000.000	12.053.791.633	72,6	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.595.000.000	12.053.791.633	72,6	-
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.648.000.000	11.989.462.661	76,6	
6000	Tiền lương	7.625.645.820	6.078.149.497	79,7	
6100	Phụ cấp lương	3.733.216.647	3.144.175.006		
6200	Khen thưởng	43.740.000	-	-	
6250	Phúc lợi tập thể	38.400.000	9.540.000	24,8	
6300	Các khoản đóng góp	2.090.217.533	1.700.128.152	81,3	
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân	-	30.078.000		
6500	Dịch vụ công cộng	156.000.000	79.178.012	50,8	
6550	Vật tư văn phòng	62.600.000	29.944.000	47,8	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	28.800.000	14.389.975	50,0	
6650	Hội nghị	-	5.000.000		
6700	Công tác phí	200.000.000	226.870.000	113,4	
6750	Chi phí thuê mướn	110.000.000	63.150.000	57,4	
6900	Sửa chữa thường xuyên	150.000.000	125.119.000	83,4	
7000	Nghiệp vụ chuyên môn	1.126.176.000	440.287.110	39,1	
6950	Mua sắm TSCĐ hữu hình	225.000.000	-	-	
7750	Chi khác	32.284.000	18.613.909	57,7	
7850	Chi công tác Đảng	25.920.000	24.840.000	95,8	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	947.000.000	64.328.972	6,79	
6150	Miễn giảm học phí và HTCPTH theo NĐ 81/2021	234.000.000	24.325.000	10,4	
6150	Chế độ học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	13.000.000	7.200.000	55,4	
6100	Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012	100.000.000	32.803.972	32,8	
6900	Kinh phí cải tạo, nâng cấp sửa chữa CSVC	600.000.000	-	-	

